

Điều kiện miễn các học phần, về văn bằng, thâm niên công tác dự thi tuyển sinh thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHKT ngày tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế -ĐHQGHN)

I. Miễn các học phần trong chương trình học bổ sung kiến thức:

Ứng viên đã tích lũy ở chương trình đại học nếu học phần đó có nội dung tương đương và có số tín chỉ bằng hoặc lớn hơn số tín chỉ trong chương trình học bổ sung kiến thức, học phần được miễn tại thời điểm không quá 15 năm tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học.

II. Điều kiện về văn bằng, thâm niên công tác dự thi tuyển sinh thạc sĩ:

1. Ngành Kinh tế chính trị

1.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế chính trị hoặc ngành kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị; chuyên ngành sư phạm Kinh tế chính trị.

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục chính trị (chuyên ban Kinh tế chính trị) hoặc ngành gần với ngành kinh tế chính trị: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về kinh tế chính trị), Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Khoa học quản lí, Quản lí công, Quản trị nhân lực, Giáo dục công dân; được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
4	Kinh tế chính trị quốc tế	3
5	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	3
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác và có bằng lí luận chính trị tương đương trình độ trung cấp trở lên được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 9 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
4	Kinh tế chính trị quốc tế	3
5	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	3
6	Lịch sử kinh tế	3
7	Chính phủ và chính sách công	3
8	Kinh tế học về chi phí giao dịch	3
9	Kinh tế học môi trường	3
Tổng cộng		27

1.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và nhóm 2 không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3: phải có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

2. Ngành Tài chính - Ngân hàng

2.1. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng: Kinh tế (Không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị nhân lực được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3
5	Tài chính doanh nghiệp 1	3
Tổng cộng		15

- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng: Kinh tế (Không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị nhân lực được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3
5	Tài chính doanh nghiệp 1	3
6	Đầu tư tài chính	3
7	Nguyên lý kế toán	3
8	Nguyên lý marketing	3
9	Tín dụng ngân hàng	3
Tổng cộng		27

2.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng không yêu cầu kinh nghiệm công tác.

3. Chuyên ngành Quản lý kinh tế

3.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế;

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản lý kinh tế: Kinh tế quốc tế; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất

động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
5	Chính phủ và chính sách công	3
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
5	Chính phủ và chính sách công	3
6	Khoa học quản lý	3
7	Kinh tế quốc tế	3
8	Kinh tế học về chi phí giao dịch	3
9	Kinh tế học môi trường	3
Tổng cộng		27

3.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và 2: không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3 có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí dự thi. (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi) tại một trong những vị trí, lĩnh vực công tác sau đây:

+ Lãnh đạo, chuyên viên, nghiên cứu viên các đơn vị có chức năng nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các chính sách quản lý kinh tế của nhà nước hoặc của các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức xã hội;

+ Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;

+ Lãnh đạo từ cấp phó phòng hoặc tương đương trở lên tại các tập đoàn kinh tế, các tổ chức kinh tế nhà nước và tư nhân.

4. Ngành Quản trị kinh doanh

4.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh;

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh); Kinh tế quốc tế; Marketing; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	3
5	Nguyên lý Marketing	3
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh: Quốc tế học, Du lịch, Giáo dục chính trị, Ngôn ngữ Anh, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng và các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và truyền thông, Pháp luật, Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	3
5	Nguyên lý Marketing	3
6	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3
7	Quản trị tài chính	3
8	Quản trị Nguồn nhân lực	3
9	Quản trị chiến lược	3
Tổng cộng		27

4.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và 2: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 3: Phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

5. Ngành Kinh tế quốc tế

5.1 . Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành: Kinh tế quốc tế; Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển được dự thi ngay.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành kinh tế quốc tế: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Thống kê kinh tế; Kinh tế du lịch; Thương mại điện tử; Quản lý dự án; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế công nghiệp; Kinh doanh thời trang và dệt may; Quản lý công; Quản lý công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế vận tải; Kinh tế gia đình; Luật Kinh tế; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần

(15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế quốc tế	3
2	Kinh doanh quốc tế	3
3	Thương mại quốc tế	3
4	Đầu tư quốc tế	3
5	Tài chính quốc tế	3
Tổng cộng		15

5.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Không yêu cầu thâm niên công tác.

6. Ngành Kế toán

6.1. Điều kiện về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kế toán hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành (chuyên sâu) về Kế toán, Kiểm toán;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại được dự sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lý Kế toán	03
2	Tài chính doanh nghiệp	03
3	Kế toán tài chính	03
4	Hệ thống thông tin kế toán	03
5	Kiểm toán tài chính	03
Tổng cộng		15

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế và đã có chứng chỉ kế toán viên/hoặc kế toán trưởng được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với chương trình gồm 07 học phần (21 tín chỉ):

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Nguyên lý Kế toán	03
2	Tài chính doanh nghiệp	03
3	Kế toán tài chính	03
4	Hệ thống thông tin kế toán	03
5	Kiểm toán tài chính	03
6	Kế toán quản trị	03
7	Phân tích tài chính	03
Tổng cộng		21

6.2. Điều kiện về thâm niên công tác

Các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng không yêu cầu thâm niên công tác.

7. Chuyên ngành Chính sách công và phát triển

7.1. Điều kiện về văn bằng

- Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển.

- Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển hoặc ngành Kinh tế quốc tế; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế thể chế	03
2	Kinh tế công cộng	03
3	Kinh tế môi trường	03
4	Kinh tế phát triển	03
5	Chính sách công	03
Tổng cộng		15

- Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác được dự thi sau khi đã

có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	03
2	Kinh tế vĩ mô	03
3	Quản trị học	03
4	Kinh tế phát triển	03
5	Chính sách công	03
6	Quản trị chiến lược	03
7	Kinh tế thể chế	03
8	Kinh tế môi trường	03
9	Kinh tế công cộng	03
Tổng cộng		27

7.2. Điều kiện về thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm 1 và nhóm 2 không yêu cầu thâm niên công tác.

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn với chuyên ngành đăng kí dự thi (tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi).